

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 0,81 ha) tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định phục vụ thi công xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định của Công ty Becamex Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2407/STNMT-CCBVMT ngày 19/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 0,81 ha) phục vụ thi công xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công Nghiệp Becamex Bình Định tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 109/BBD ngày 27/9/2023 của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1211/TTr-STNMT ngày 06/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 0,81ha) phục vụ thi công xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định

(sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiên, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Vân Canh;
- UBND xã Canh Hiên;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
(DIỆN TÍCH 0,81 HA) TẠI SÔNG HÀ THANH, XÃ CANH HIỂN,
HUYỆN VÂN CANH PHỤC VỤ THI CÔNG XÂY DỰNG
CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BECAMEX BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 0,81 ha) tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiễn, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định phục vụ thi công xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định.

- Địa điểm thực hiện: tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiễn, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Becamex Bình Định.

- Địa chỉ liên hệ: Số 11 đường Ngô Mây, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0256.3636.668 – Ông Nguyễn Văn Lăng, Tổng Giám đốc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 1,0 ha (diện tích đưa vào khai thác: 0,81 ha).

- Thời hạn khai thác 02 năm; khai thác từ ngày 01/01 đến hết ngày 15/9 hàng năm (theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 07/8/2019 và Văn bản số 5958/UBND-KT ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Tổng trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác 16.200 m³ cát địa chất (Quyết định số 4342/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh); theo đó, sau khi để lại trữ lượng bờ dừng đảm bảo an toàn khu vực mỏ, trữ lượng huy động khai thác là 15.818 m³ cát địa chất với công suất khai thác hàng năm như sau:

+ Năm thứ nhất: 5.818 m³ cát địa chất.

+ Năm thứ hai: 10.000 m³ cát địa chất.

1.3. Trình tự, phương pháp khai thác:

Phân thành 02 lô khai thác để thực hiện khai thác trong 02 năm. Mở via khai thác phía Tây Nam khu mỏ (tại điểm góc số 6) thuộc lô 1, khai thác theo lớp bằng, tuyến khai thác được phát triển song song với hướng dòng chảy của sông, khai thác theo dải, từ lòng sông vào bờ, từ thượng lưu về hạ lưu; chiều sâu

khai thác trung bình 2,0 m, cos kết thúc khai thác dao động từ +18,3 m đến +18,5 m. Sử dụng 01 máy đào (dung tích gàu 1,25m³) để khai thác; tập kết cát tại bãi lưu chứa tạm trước khi đưa lên ô tô vận chuyên tải trọng 7 tấn đến nơi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Khu vực phụ trợ diện tích khoảng 500m² (nằm trong diện mỏ được cấp phép thăm dò khoáng sản số 76/GP-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh): bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động và bãi tập kết xe.

- Bãi lưu chứa cát tạm diện tích khoảng 500 m² (bố trí trong ranh giới mỏ) để thực hiện lưu chứa cát rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyên tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày và thu dọn, tháo dỡ và hoàn thành trước ngày 30/9 hằng năm.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất hiện trạng có sẵn nối từ đường đường bê tông đến bãi bồi dài khoảng 120 m, rộng 4 m.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Tuyến đường nội bộ, lán trại tạm, nhà vệ sinh di động và bãi tập kết cát có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con.

- Hoạt động vận chuyên cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,56 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh.

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác, lưu chứa tạm và vận chuyên cát.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu mỏ:

- + Chất thải nguy hại: Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 01 kg/năm.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau, bao tay nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác: không.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý. Khi bể đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát từ đoạn đường bê tông đến khu vực mỏ (đoạn đường đất hiện trạng và đoạn đường qua khu dân cư): thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi tập kết cát: thực hiện che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa tại khu vực phụ trợ, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực mỏ				
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	04	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc dự án
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	791	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm
3.	Tháo dỡ tuyến đường tạm trong mỏ	m ³	1.456	Khởi thông dòng chảy	
4.	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ	ha	1,0	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
II	Khu vực ngoài mỏ				
1.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư)	m ³	60	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên
2.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	02	Trả lại hiện trạng ban đầu	Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm
3.	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất hiện trạng	m ³	144	Trả lại hiện trạng ban đầu	Hoàn thành sau khi kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **91.852.000 đồng** (Chín mươi một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 22.963.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 68.889.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sau khi kết thúc khai thác hàng năm, Công ty thực hiện tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa mùa của bà con. Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.

5.2. Giám sát dòng chảy:

- Thực hiện giám sát việc khai thác đảm bảo lưu thông dòng chảy.

- Vị trí giám sát: giám sát tại khu vực dự án.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở hai bên bờ, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển cát.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.